TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh ngày 26/02/1992.
Căn cước C dân số: 025192012996.
HKTT: khu 3, xã G, huyện H, tỉnh P.
Hiện đang ở nước ngoài.
- *Bị đơn*: Anh Trần Mạnh C, sinh ngày 01/3/1983.
Căn cước C dân số: 025083014868.
HKTT: khu 3, xã G, huyện H, tỉnh P.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: chị và anh Trần Mạnh C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó chị H đi lao động tại nước ngoài, từ đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh C.

Về con chung: chị Nguyễn Thu H xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/01/2011 và cháu Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 21/9/2012. Sau khi ly hôn chị H nghị Tòa án giao cháu A và cháu B cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000đ (Hai triệu đồng)/01 con/01 tháng. Tổng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/02 con/01 tháng.

Về tài sản chung, C nợ, C sức đóng góp của vợ chồng: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại biên làm việc ngày 12/5/2025, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: việc chị H xin ly hôn anh, anh C không đồng ý. Anh C đề nghị chị H phải về Việt Nam thì anh mới đồng ý giải quyết ly hôn với chị.

Về con chung: vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Án và cháu B. Hiện nay cả hai con chung đang được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Anh C đề nghị Tòa án giao cháu A và cháu B cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh C đồng ý với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H với các con chung sau khi ly hôn. Ngoài ra về các nội dung khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Trần Mạnh C; Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/01/2011 và cháu Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 21/9/2012 cho anh Trần Mạnh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000đ (Hai triệu đồng)/01 con/01 tháng. Tổng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/02 con/01 tháng. Chị H vẫn có quyền của người không trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Về án phí: chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H nộp đơn xin ly hôn anh Trần Mạnh C tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2025 của chị H có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị H và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Trần Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh P vào ngày 08/01/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh C. Tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2025 anh C trình bày không đồng ý việc ly hôn chị H. Anh C đề nghị chị H phải về Việt Nam thì anh mới đồng ý giải quyết ly hôn với chị

Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh C đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh C là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

- Về con chung: chị H và anh C có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/01/2011 và cháu Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 21/9/2012. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu A và cháu B cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C cũng nhất trí với yêu cầu về con chung của chị H và đề nghị Tòa án giao cháu A và cháu B cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn. Tại bản tự khai cháu A và cháu B thể hiện có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị H và anh C đều đã thống nhất thỏa thuận được về vấn đề con chung. Do vậy, để đảm B sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập, phát triển của cháu A và cháu B cần giao cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000đ (Hai triệu đồng)/01 con/01 tháng. Tổng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/02 con/01 tháng. Anh C nhất trí với quan điểm của chị H về cấp dưỡng

nuôi con. Do đó cần ghi nhận về sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với các con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, C nợ, C sức đóng góp của vợ chồng: chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Trần Mạnh C.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Trần Mạnh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/01/2011 và cháu Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 21/9/2012.

Chị Nguyễn Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000đ (Hai triệu đồng)/01 con/01 tháng. Tổng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/02 con/01 tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[3] Về tài sản chung, C nợ, C sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Nguyễn Thu H (do anh Trần Đức Minh nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000607 ngày 17/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Chị Nguyễn Thu H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang